

DANH SÁCH MCC CHI TIẾT VÀ DANH SÁCH MCC LOẠI TRỪ

DETAIL MCCS & MCC EXCLUSION LIST

Danh sách MCC chi tiết/ Details MCCs

Lĩnh vực	MCC
Bảo Hiểm	6300
Bảo hiểm	5960
Giáo dục	8299
Giáo dục	8249
Giáo dục	8244
Giáo dục	8241
Giáo dục	8220
Giáo dục	8211

Danh sách MCC loại trừ/ MCC exclusion list

MCC	Miêu tả
4829	4829 Wire transfer money orders Dịch vụ/Lệnh chuyển tiền bằng điện chuyển khoản
6050	6050 Quasi Cash-Member Financial Institutions Các hình thức ứng tiền mặt
6051	6051 Non- Financial Institutions - foreign currency, money orders, travelers' cheques loại hình dịch vụ phi tài chính - Ngoại tệ, lệnh chi tiền, chi phiếu của người du lịch
6010	6010 Manual Cash Disbursements Liên quan đến loại hình ứng tiền mặt/dịch vụ tài chính
6011	6011 Automated Cash Disbursements
6530	6530 Remote Stored Value Load-Merchant
6211	6211 Security Brokers and Dealers Môi giới chứng khoán
6538	6538 MoneySend Funding Các lệnh chuyển tiền

MCC	Miêu tả
7801	7801 Government Licensed On - Line Casinos (On-Line Gambling) Sòng bạc online đã được chính phủ cấp phép
7802	7802 Government - Licensed Horse/Dog racing các loại hình Đua ngựa/đua chó
7995	7995 Betting, including lottery tickets, casino gaming chips, off-track betting, and wagers at race tracks Cá độ/đánh cược, game casino
9754	9754 Gambling - Horse racing, Dog Racing các loại hình Đua ngựa/đua chó
5960	5960 Direct Marketing Chạy quảng cáo/liên quan đến loại hình quảng cáo Các loại hình giao dịch liên quan đến thanh toán facebook/Googles, Itunes và chạy quảng cáo
6513	6513 Real Estate agents and managers - rentals Môi giới BDS và cho thuê STT Loại hình giao dịch (MCC) Dẫn giải
7311	7311 Advertising service Dịch vụ Quảng cáo
7999	7999 Recreation Services (Not Elsewhere Classified) Dịch vụ giải trí
7399	7399 Business Services (Not Elsewhere Classified) Dịch vụ về doanh nghiệp, quảng cáo Google
7399	7399 Business Services Dịch vụ kinh doanh
5734	5734/5735 Record Stores Cửa hàng thu âm/dịch vụ liên quan Itunes
5815	5815 Digital Goods - Audiovisual Media Including Books, Movies, and Music Hàng hóa Kỹ thuật số - Phương tiện Nghe nhìn Bao gồm Sách, Phim và Nhạc
5816	5816 Digital Goods - Games Dịch vụ kỹ thuật số - Games
5817	5817 Digital Goods - Software Applications (Excluding Games) Dịch vụ kỹ thuật số - Phần mềm ứng dụng (không bao gồm Games)
5818	5818 Digital Goods - Multi-Category Các loại hình dịch vụ kỹ thuật số khác
5968	5968/5969 Direct Marketing Chạy quảng cáo/liên quan đến loại hình quảng cáo
4900	4900 Utilities, electric, gas, water Thanh toán hóa đơn (thiết bị, điện, nước, ga)
4814	4814 Telecommunication Service Thanh toán hóa đơn/Dịch vụ viễn thông
4816	4816 Computer Network/Information Mạng lưới điện tử/ Thông tin
8999	8999 Professional Services (Not Elsewhere Classified) các loại hình dịch vụ mang tính chất chuyên nghiệp
5945	5945 Hobby, toy, and Game Shops các loại hình game
5999	5999 Miscellaneous & specialty Đại lý phân phối kinh doanh hàng hóa

MCC	Miêu tả
4899	4899 Cable, Satellite, and Other Pay Television and Radio Services Các giao dịch thanh toán hóa đơn/dịch vụ (truyền hình cáp, vệ tinh hoặc phương thức thanh toán khác và dịch vụ sóng)
5969	Direct Marketing – Other Direct Marketers (Not Elsewhere Classified)
	Các giao dịch nạp tiền (top up) vào ví điện tử như: Paypal, Alipay, Google Wallet...
	Các giao dịch rút tiền mặt.
	Các MCC bổ sung theo từng thời kỳ của Fraud (nếu có)